

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		4.644.175.685.276	4.296.626.035.713
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(2.937.025.073.190)		(2.647.904.009.938)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(24.862.836.500)		(23.904.891.240)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(169.046.233.247)		(123.798.518.055)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	344.754.226.054		493.428.524.793
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(1.398.031.528.330)		(1.432.054.639.696)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		459.964.240.063	562.392.501.577
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(1.157.680.000)		(134.609.091)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	5.164.150.000		-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(709.756.995.500)		(543.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	732.896.888.500		558.648.318.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	55.868.877.570		43.083.227.231
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		83.015.240.570	58.596.936.140
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(604.883.702.012)		(420.058.497.569)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(604.883.702.012)	(420.058.497.569)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(61.904.221.379)	200.930.940.148
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		380.482.490.309	179.551.550.161
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	318.578.268.930	380.482.490.309


Lê Thành Trí
Người lập biểu


Lưu Thị Huỳnh Phượng
Kế toán trưởng


Võ Trung Dũng
Giám đốc

An Giang, ngày 16 tháng 01 năm 2020